

PHÁP LUẬT PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN TRONG BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI – MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP

Hoàng Thị Lê Mỹ

Tóm tắt

Thị trường bảo hiểm Việt Nam đang phải đối mặt với những hành vi gian lận, trục lợi bảo hiểm của khách hàng với những hình thức đa dạng, thủ đoạn tinh vi và số tiền gian lận cũng ngày lớn. Chính vì vậy, việc đưa ra định nghĩa và thống nhất quan điểm về gian lận bảo hiểm có ý nghĩa rất quan trọng cho việc phòng chống gian lận bảo hiểm. Điều này đặt ra yêu cầu nhận diện những bất cập về pháp luật trong việc phòng chống gian lận bảo hiểm thương mại và hoàn thiện khung pháp lý về vấn đề này.

Từ khóa: Gian lận bảo hiểm thương mại, bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm.

LAW ON ANTI – FRAUD COMMERCIAL INSURANCE – SOME SHORTCOMINGS AND SOLUTIONS

Abstract

The insurance market in Vietnam is facing fraudulent behavior, profiteering insurance of customers with diverse forms, sophisticated tricks and the huge amount of fraud. Therefore, making definitions and unification of views on insurance fraud is very important for the prevention of insurance fraud. This raises the need to identify legal shortcomings in the prevention of commercial insurance fraud and to improve the legal framework for this problem.

Keywords: Commercial insurance fraud, insurance buyers, insurance companies.

1. Đặt vấn đề

Bảo hiểm thương mại còn được gọi là bảo hiểm kinh doanh - được hiểu là sự kết hợp giữa hoạt động quản lý rủi ro với hoạt động kinh doanh. Quan hệ bảo hiểm được thiết lập thông qua hình thức hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm. Song do số tiền trả bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm lớn hơn nhiều lần số phí người tham gia bảo hiểm đóng, vì vậy thường dẫn đến hành vi gian lận bảo hiểm.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, theo từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học nhà xuất bản Đà Nẵng 2003 thì, gian lận được hiểu là “hành vi dối trá, mách khéo, lừa lọc”.

Dưới góc độ pháp lý, hiện nay trong các văn bản pháp luật hiện hành về lĩnh vực bảo hiểm không có một văn bản đưa ra khái niệm về “gian lận bảo hiểm”. Tuy nhiên, có một khái niệm có ý nghĩa tương tự là “trục lợi bảo hiểm”. Trong Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 19 quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ

thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm “Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường”. Ngược lại, nếu “trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật”. Tương tự, Điều 22 quy định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu khi “bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm”. Luật Kinh doanh bảo hiểm không hề đề cập đến khái niệm trục lợi bảo hiểm cụ thể. Như vậy, có thể thấy pháp luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành của Việt Nam đã hoàn toàn bỏ ngỏ trong việc định nghĩa về khái niệm trục lợi bảo hiểm. Song theo quan điểm của người viết cho rằng, trong gian lận bảo hiểm thì “trục lợi” chính là động cơ thúc đẩy việc thực hiện hành vi gian lận.

Như vậy có thể định nghĩa “Gian lận bảo hiểm thương mại là hành vi gian dối, không trung thực của các chủ thể có liên quan đến hợp

đồng bảo hiểm nhằm thu lợi bất chính từ việc được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm”.

Việc đưa ra định nghĩa và thống nhất quan điểm về gian lận bảo hiểm có ý nghĩa rất quan trọng cho việc phòng chống gian lận bảo hiểm thông qua việc hoàn thiện một cách đồng bộ pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

2. Đặc trưng cơ bản của gian lận bảo hiểm thương mại

Từ những phân tích trên, có thể thấy hành vi gian lận bảo hiểm thương mại có những đặc trưng cơ bản sau: *Chủ thể thực hiện hành vi gian lận là các chủ thể liên quan đến hợp đồng bảo hiểm thương mại.* Với cách tiếp cận khái niệm ở trên, ta thấy chủ thể thực hiện hành vi gian lận này trước hết phải tham gia vào quan hệ bảo hiểm và thực hiện hành vi gian dối, không trung thực nhằm mục đích hưởng một khoản tiền bất chính từ số tiền bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm. Như vậy, chủ thể thực hiện hành vi gian lận này bao gồm bên mua bảo hiểm, bên được bảo hiểm và bên môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, các tổ chức cá nhân chuyên tư vấn dịch vụ đòi bồi thường bảo hiểm và thậm chí chính các nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm câu kết với khách hàng thực hiện hành vi gian lận bảo hiểm.

- Có hành vi lừa dối, đó là hành vi cố ý đưa ra các thông tin hoặc bằng chứng không trung thực. Ví dụ như hành vi tạo hiện trường giả giống như dấu hiệu của việc mất cắp tài sản; cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm; tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm...

- Mục đích khi chủ thể thực hiện hành vi gian lận bảo hiểm thương mại nhằm để doanh nghiệp bảo hiểm tin vào những bằng chứng, thông tin mà mình đưa ra là đúng sự thật. Từ đó, nhằm hưởng những khoản lợi tài chính theo cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm nhưng trên thực tế thì không đủ điều kiện để doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện cam kết này. Để hợp thức trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm, người được bảo hiểm đã thực hiện những hành vi gian dối nhằm tạo ra những bằng chứng giả để doanh nghiệp tin rằng tổn thất này xảy ra là có thực và trong phạm vi bảo hiểm.

- Động cơ của chủ thể thực hiện hành vi gian lận là trục lợi từ số tiền bồi thường bảo hiểm hoặc tiền trả bảo hiểm. Như vậy, các doanh nghiệp bảo hiểm là chủ thể trực tiếp bị ảnh hưởng về mặt tài chính, cụ thể là doanh nghiệp phải bồi thường, hay trả tiền bảo hiểm cho những rủi ro mà đáng lẽ ra doanh nghiệp không phải bồi thường, hoặc trả tiền bảo hiểm, hoặc bồi thường cao hơn mức thiệt hại thực tế của rủi ro bởi những hành vi gian lận đó.

3. Một số bất cập của pháp luật ảnh hưởng đến khả năng phòng chống gian lận thương mại

Sau một thời gian đi vào áp dụng thực tiễn, các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm thương mại nói chung và những quy định về phòng chống gian lận trong bảo hiểm thương mại nói riêng đã bộc lộ những điểm bất cập chưa phù hợp với yêu cầu phòng chống gian lận bảo hiểm thương mại diễn ra trong thực tiễn. Tác giả xin chỉ ra một vài quy định bất cập sau:

Thứ nhất, tại điểm c, khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định, nghĩa vụ thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của bên mua bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm phụ thuộc vào việc doanh nghiệp bảo hiểm có yêu cầu hay không. Như vậy, đây là nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm nhưng họ hoàn toàn có thể vô ý hoặc cố ý không khai báo nếu doanh nghiệp bảo hiểm không yêu cầu. Quy định này làm hạn chế quyền của doanh nghiệp bảo hiểm và rất khó thực hiện trong thực tế. Bởi vì, chỉ có bên mua bảo hiểm mới biết rõ sự thay đổi đó như sức khỏe của người được bảo hiểm suy giảm đột ngột, điều kiện tự nhiên nơi có tài sản được bảo hiểm thay đổi theo chiều hướng xấu đi..., không phải lúc nào doanh nghiệp bảo hiểm cũng biết được các trường hợp làm tăng rủi ro hoặc phát sinh thêm trách nhiệm bảo hiểm đề yêu cầu.

Liên quan đến hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm. Pháp luật chưa có quy định nào bảo vệ doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bảo hiểm, hoặc bồi thường khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra thì mới phát hiện ra bên mua bảo hiểm có hành vi lừa dối hoặc cố

hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đòi lại số tiền đã bồi thường đó hay không đó hay không?

Theo điểm d, khoản 1 điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định hợp đồng bảo hiểm sẽ vô hiệu trong trường hợp bên mua có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, theo tác giả thì quy định này khá chung chung bởi rất khó phân biệt giữa hành vi “lừa dối” khi giao kết hợp đồng với hành vi “cố ý cung cấp thông tin sai sự thật” nhằm giao kết hợp đồng, trong khi đó hậu quả pháp lý của hai hợp đồng này lại rất khác nhau (hợp đồng bị đình chỉ hoặc hợp đồng bị vô hiệu).

Cũng chính quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật KDBH có phần bất lợi cho các doanh nghiệp bảo hiểm, và vô tình “mở đường tiếp tay” cho người mua bảo hiểm thực hiện những hành vi gian lận. Bởi nếu bên mua bảo hiểm cố ý thực hiện những hành vi được liệt kê trong khoản 1 điều này mà bị doanh nghiệp bảo hiểm phát hiện thì họ cũng không thiệt hại gì vì hậu quả pháp lý của những hành vi trên là hợp đồng vô hiệu, theo đó các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận (bên mua bảo hiểm sẽ được nhận lại phí bảo hiểm). Còn nếu hành vi này không bị phát hiện, thì bên mua bảo hiểm đã được lợi từ việc thực hiện được hành vi gian lận của mình.

Thứ hai, việc quy định về căn cứ bồi thường tại điều 46 của Luật kinh doanh bảo hiểm theo đó, căn cứ để xem xét bồi thường trong quan hệ tài sản là “giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế”. Tuy nhiên vấn đề xác định giá thị trường trong trường hợp này rất khó khăn, bởi giá thị trường được tính với những tài sản còn mới, trong khi đó tài sản được bảo hiểm ở đây lại là những tài sản đã qua sử dụng. Hơn nữa, sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra tài sản thường bị hư hỏng, giảm giá trị thậm chí giá trị tài sản không còn nên rất khó đánh giá được giá trị tài sản ngay trước khi có rủi ro. Việc đánh giá này chỉ mang tính ước đoán, như vậy căn cứ này thiếu tính thực tế.

Một vấn đề nữa cần đề cập đến đó là, mục đích Điều 46 là nhằm để phòng chống gian lận bảo hiểm trong khi đó lại cho phép các bên thỏa thuận

về số tiền bồi thường mà không dựa vào căn cứ bồi thường. Đây chính là những tiền đề gián tiếp cho hành vi gian lận nội bộ, có sự câu kết giữa nhân viên doanh nghiệp bảo hiểm với khách hàng trong việc thỏa thuận căn cứ bồi thường.

Thứ ba, tại khoản 3, Điều 16 Luật KDBH quy định “ Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:

- Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do lỗi vô ý;

- Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm”

Theo tác giả quy định trên là chưa phù hợp, vì nó chỉ giới hạn đối với đối tượng là “người mua bảo hiểm” điều này chỉ có thể đúng đối với loại hình bảo hiểm tài sản hay bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn đối với bảo hiểm con người thì đối tượng là “người được bảo hiểm” hay “người thụ hưởng” chưa được điều luật này đề cập đến. Vì trong rất nhiều hợp đồng bảo hiểm con người, người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm và người thụ hưởng không trùng là một.

Quy định không áp dụng điều khoản loại trừ trong trường hợp “Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do lỗi vô ý” là không phù hợp với thực tế. Bởi trong quy tắc bảo hiểm tai nạn con người của các doanh nghiệp bảo hiểm thường quy định trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm là người được bảo hiểm vi phạm nghiêm trọng pháp luật, ví dụ vi phạm luật lệ an toàn giao thông. Như vậy, trong quy tắc bảo hiểm này yếu tố lỗi cố ý và vô ý không ảnh hưởng đến điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chỉ cần có vi phạm pháp luật của bên mua bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không phải bồi thường. Và khi xét mặt lý luận của vấn đề này ta thấy, yếu tố lỗi thường không được đề cập tới khi xét một hành vi có phải là hành vi vi phạm pháp luật hay không bởi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi xâm phạm các quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ.

Bên cạnh đó, từ quy định của Điều 16 Luật KDBH, nếu theo tinh thần “được làm những gì mà pháp luật không cấm” thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đưa vào điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra do người được bảo hiểm hay người

thụ hưởng vì phạm pháp luật do vô ý và chậm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm hay không. Và như vậy, lợi ích chính đáng của người mua bảo hiểm, người thụ hưởng, người được bảo hiểm có được bảo vệ hay không. Rõ ràng đây là một điểm khuyết thiếu cần thiết phải xem xét bổ sung.

Riêng đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Khoản 1 Điều 39 Luật KDBH quy định về các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không trả tiền bảo hiểm như sau:

a. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn 2 (hai) năm kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng tiếp tục có hiệu lực;

b. Người được bảo hiểm chết hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng;

c. Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.”

Rõ ràng, những quy định này đều nhằm đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp bảo hiểm, chống lại các trường hợp gian lận bảo hiểm, đồng thời duy trì và bảo vệ đạo lý nói chung, không chấp nhận thanh toán tiền bảo hiểm cho những trường hợp đi ngược lại đạo đức như giết hoặc làm người được bảo hiểm bị thương tật để thu lợi từ doanh nghiệp bảo hiểm hay phạm các tội đặc biệt nghiêm trọng bị xã hội lên án. Tuy nhiên, quy định này của pháp luật cũng có điểm không hợp lý khi chỉ dừng lại ở việc quy định trường hợp “người được bảo hiểm chết hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng” tại Điểm b Khoản 1. Quy định này là chưa phù hợp bởi lẽ trên thực tế các sản phẩm bảo hiểm con người đang được các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai hiện nay đều có phạm vi bảo hiểm rất rộng bao gồm các rủi ro: Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn, ốm đau, bệnh tật... Do vậy, quy định trên là chưa đủ vì đã bỏ qua các trường hợp “người được bảo hiểm bị thương tật bộ phận vĩnh viễn, ốm đau, bệnh tật...do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng”.

4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả phòng chống gian lận bảo hiểm thương mại

Xuất phát từ thực trạng pháp luật đã phân tích ở trên, tác giả xin đưa ra một số kiến nghị sau nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống gian lận bảo hiểm.

Thứ nhất, quy định pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin. Trong điểm c, khoản 2 điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm, nên bỏ cụm từ “theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm”, để đảm bảo tính chủ động thực hiện nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, tránh tình trạng những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp, mà bên bảo hiểm biết nhưng không thông báo bởi vì không có sự yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm. Liên quan về vấn đề này pháp luật nên có quy định về chế tài mà doanh nghiệp áp dụng như khấu trừ phần rủi ro tăng thêm mà bên mua bảo hiểm không khai báo để giảm số tiền bồi thường.

Đối với việc xác định hành vi lừa dối và hành vi cung cấp thông tin sai sự thật tại điểm d, khoản 1 điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm nên được bổ sung thêm chỉ dẫn để phân biệt hành vi lừa dối với hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật điểm a, khoản 2 điều 19, bởi hậu quả pháp lý của các hành vi này là khác nhau.

Theo quan điểm tác giả, pháp luật nên sửa lại hậu quả pháp lý tại khoản 1, điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm thành “doanh nghiệp sẽ đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra mà doanh nghiệp đã tiến hành trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường thì có quyền đòi lại số tiền đã chi trả” vì nếu chỉ dẫn đến hậu quả pháp lý hợp đồng bảo hiểm vô hiệu, thì bên mua bảo hiểm sẽ chẳng mất gì khi thực hiện các hành vi này với lỗi cố ý mà bị doanh nghiệp bảo hiểm phát hiện. Như vậy, mới đảm bảo mục đích chống gian lận bảo hiểm của điều luật.

Đồng thời, bổ sung thêm một khoản tại điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm như sau “Trong trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra trước khi biết được những thông tin mà bên mua bảo hiểm đã cố ý cung cấp nhằm giao kết hợp đồng là sai

sự thật, thì doanh nghiệp không phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường. Nếu đã trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường, doanh nghiệp có quyền đòi lại số tiền đã chi trả”.

Thứ hai, sửa đổi quy định về căn cứ bồi thường trong bảo hiểm tài sản. Như đã phân tích ở phần trên việc quy định số tiền bồi thường được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất mang tính ước đoán, vì vậy cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng và ban hành quy chế xác định giá trị tài sản. Mặt khác, để ngăn chặn những hành vi gian lận trong bảo hiểm tài sản, cũng như đảm bảo tính thống nhất và nghiêm minh của pháp luật, thì tại khoản 1,2 Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm nên bỏ cụm từ “ trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm”.

Thứ ba, cần nhắc điều khoản loại trừ trách nhiệm trong hợp đồng bảo hiểm.

Đối với vấn đề điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thì tại khoản 3 Điều 16 Luật

doanh nghiệp bảo hiểm nên bỏ quy định về việc không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong trường hợp “bên mua bảo hiểm vi phạm pháp do lỗi vô ý”, bởi quy định này chỉ mang tính hình thức, không hiệu quả. Và nên quy định thêm đối tượng là “người được bảo hiểm” và “người thụ hưởng” khi thực hiện các hành vi được quy định tại khoản này thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không được áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nhằm phù hợp với hợp đồng bảo hiểm con người.

5. Kết luận

Hi vọng những phân tích, kiến nghị trên sẽ giúp cho các doanh nghiệp bảo hiểm, cơ quan chức năng và các nhà làm luật có cái nhìn tổng quát về hành vi gian lận bảo hiểm và đưa ra những giải pháp đúng đắn trong công tác phòng chống gian lận bảo hiểm góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững thị trường bảo hiểm nước ta trong cơ chế hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Định. (2008). *Giáo trình Bảo hiểm*. Hà Nội: Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016. *Quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm*.
- [3]. Quốc hội. (2015). *Bộ luật dân sự*.
- [4]. Quốc hội. (2010). *Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 (sửa đổi bổ sung 2010)*.

Thông tin tác giả:

1. Hoàng Thị Lệ Mỹ

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: hoanglemly88@gmail.com

Ngày nhận bài: 03/05/2018

Ngày nhận bản sửa: 17/06/2018

Ngày duyệt đăng: 29/06/2018